

CÓ THỂ RÚT TĨA GÌ TỪ CUỘC KHỦNG HOẢNG KINH TẾ TÀI CHÍNH ĐÔNG Á?

DANH ĐỨC

Hơn bao giờ hết, cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính các nước Đông Á phải được xem xét bằng một thái độ không tự bào chữa. Không phải là quá đáng khi báo chí Pháp chơi chữ viết "châu Á đi từ *miracle économique* (phép lạ kinh tế) sang *mirage économique* (ảo ảnh kinh tế)". Tất nhiên, không thể nói rằng châu Âu, châu Mỹ không có những vấn đề của họ-bằng cứ là châu Âu cũng đã phải họp thượng đỉnh để bàn về một giải pháp cho bài toán thất nghiệp trầm kha-song nếu không chịu tự nhìn ta trên vách, e rằng mất cơ hội tự vực dậy. Thực trạng cuộc khủng hoảng như thế nào, báo chí đã nêu rõ, nên có thể bước qua ngay việc nêu ra một số vấn đề và "bài học" cần rút tỉa như sau:

1. Tính lệ thuộc vào một số đầu tàu kinh tế khu vực và bất cân đối trong nguồn đầu tư

Hầu như tất cả các nước Đông Nam Á đều là những "nhà máy lắp ráp, gia công" cho các nước "công ty mẹ" thuộc Đông Bắc Á. Vốn đầu tư của Nhật Bản, Hàn Quốc vào các nước này quá lớn, bất cân đối với vốn đầu tư từ châu Âu và Bắc Mỹ, nên tác động qua lại giữa các nước Đông Nam Á và các nước Đông Bắc Á rất lớn. Khi các nước Đông Bắc Á gặp khủng hoảng-tất nhiên không chỉ trong một sớm một chiều mà các tập đoàn

tài chính như Yamaichi, Nomura... sụp đổ-thể cho nên vôi bơm vốn từ Đông Bắc Á vào Đông Nam Á có thể bị đe dọa cắt giảm bất cứ lúc nào.

Mặt khác, do các nước chủ đầu tư luôn tính toán trên yếu tố lợi nhuận, thể cho nên nếu một nước "gia công lắp ráp" nào có mất đi tính cạnh tranh (giá nhân công, trình độ nhân công, môi trường đầu tư... không còn hấp dẫn), các nước chủ đầu tư sẽ "nhổ neo" ra khỏi nước đó, sang một nước lân cận thuận lợi hơn. VN nay đã trở thành một "tiểu Hồng Kông của thập niên 70" trong lĩnh vực gia công. Thí dụ như nếu như trong những năm đầu 70, người trẻ Pháp đã mua những chiếc áo sơ-mi hiệu Yves-Saint Laurent chính hiệu song "made in Hong Kong", thì vào giữa thập niên 90, họ đã có thể tìm thấy những chiếc áo sơ mi chính hiệu Pierre Cardin hay những đôi giày chính hiệu "Nike" song "made in Vietnam"... Ngược lại, khi nước "gia công" gặp khủng hoảng, tác động sẽ là tất yếu nơi nước chủ đầu tư như trường hợp Thái Lan hay Hàn Quốc... khiến Nhật phải ra sức tài trợ trong thành phần "phong bì" cứu trợ của IMF (trong cả hai trường hợp Nhật đều góp 10 tỷ USD). Đến khi chính các nước chủ đầu tư lớn nhất tại Đông Nam Á là Nhật Bản và Hàn Quốc chao đảo vì cuộc khủng hoảng của chính các nước

này, nguy cơ xem xét lại đầu tư ở nước ngoài là có thể xảy ra. Sự không cân đối trong đầu vào đầu tư ở các nước Đông Nam Á khiến cho quá trình tăng trưởng dễ bị chao đảo một khi các nước chủ đầu tư là Đông Bắc Á có thay đổi kế hoạch đầu tư. Một sự điều chỉnh khuyến khích các khu vực khác, Bắc Mỹ, châu Âu... đầu tư vào là cần thiết để cân đối nguồn đầu tư. Đến đây, cần ghi nhận một yếu tố "tâm lý" mà nhiều nhà đầu tư Âu Mỹ ghi nhận như sau: giới kinh doanh Âu Mỹ ít chấp nhận hệ thống "điều chỉnh dưới gầm bàn" vốn là đặc trưng của giới kinh doanh châu Á.

2. Tính đam mê những gì vĩ đại (megalomania), tính khó thanh toán nợ nước ngoài và tính bất cân đối trong phân bổ đầu tư

Trong quá trình phát triển, một số nước Đông Nam Á đã nhắm đến những mục tiêu quá lớn về kinh phí so với sức khả năng thanh toán sau này của mình để rồi mang công nợ nhiều hơn tổng sản lượng của mình quá nhiều. Bảng chỉ số kinh tế của Asiaweek sau đây có thể cho thấy điều đó và so sánh:

Cho dù các số liệu này chưa hẳn là chính xác song trên cơ sở không chính xác (như nhau) đó, vẫn có thể nhận thấy khả năng chi trả của Việt Nam là như thế nào so với hai nước Thái Lan và Indonesia.

Xây dựng cơ sở hạ tầng luôn là cần thiết, song ngay chính trong các mục tiêu xây dựng cũng đã nghiêng về một lĩnh vực tương chừng như là béo bở nhất, những công nghiệp không khói và mang tính đầu cơ nhiều hơn là đầu tư, để rồi khi các lĩnh vực này không sinh lợi như ý, không lấy lại vốn thanh toán công nợ đầu tư cho cơ sở hạ tầng ban đầu. Trường hợp Thái Lan tập trung quá nhiều cho lĩnh vực du lịch, địa ốc không chỉ xây dựng khách sạn, khu công nghiệp... mà không xây dựng cơ sở hạ tầng chung quanh-nên đến khi cầu bão hòa, không biết làm sao trả nợ. Bất cứ người ngoại quốc nào, từ khách du lịch đến nhà đầu tư cũng có thể nhận thấy giá thuê văn phòng và khách sạn ở Hà Nội và TP.HCM nay đã là cao so với Bangkok. Cũng thế, cơn sốt xây dựng cảng biển nay đã là một đe dọa

	GNP đầu người (USD)	Dân số (triệu)	Nợ nước ngoài (tỷ USD)	Xuất khẩu (tỷ USD/năm)
Thái Lan	2.970	61,4	88	56,9
Indonesia	1.086	200	107,8	49,8
Việt Nam	270	76,9	26,5	7,6

(Nguồn: Asiaweek 17.10.1997)

cho sự sống còn của chính các cảng đã có sẵn chứ chưa nói đến các cảng còn trên bản vẽ (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 27.11.97). Những nhà qui hoạch hay các chính quyền địa phương đọc duyên hải, ai bị chứng "đam mê những gì vĩ đại"? Trong khi đó, chưa thấy có qui hoạch gì sáng sủa cho công cụ thiết yếu của ngành hàng hải là hạm đội thương thuyền đang quá khiêm tốn và cũ kỹ. Qua đó có thể nhận thấy hậu quả của chứng "đam mê những gì vĩ đại" là việc chọn lựa bất cân đối các lĩnh vực đầu tư. Hầu như trong mọi quá trình phát triển ở Đông Nam Á đều vướng mắc ở việc ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực mà lợi nhuận là rất lớn trong giai đoạn đầu do các chuyển nhượng mang tính đầu cơ. Đến khi đầu cơ cũng mọc lên các khách sạn, các khu nhà ở cao cấp, khu công nghiệp tập trung, thì rơi vào tình trạng "ế khách" thặng dư khách sạn, thặng dư nhà ở cao cấp, thặng dư khu công nghiệp bỏ trống.

Ngay cả khái niệm "khu công nghiệp cao cấp" (technopolis) cũng chưa hẳn đã được thông hiểu trong mọi ý nghĩa của nó. Không phải cứ ứ ại san lấp một khu đất, xây bốn bức tường chung quanh, kéo dây điện, đường ống nước, mở đường nhựa cho xe vào... là sẽ mọc lên những khu công nghiệp cao cấp được. Vấn đề là lấy nguồn nhân lực được đào tạo như thế nào vào làm việc trong các khu công nghiệp cao cấp đó. Khó có thể hình dung một mặt bằng học vấn đa phần chỉ vừa đủ vào làm việc trong các lĩnh vực gia công lắp ráp có thể vào làm việc trong các khu công nghiệp cao cấp được. Phải có một mặt bằng nghiên cứu, đào tạo khoa học cơ bản và ứng dụng như thế nào trên một qui mô lớn như thế nào, các nước công nghiệp tiên tiến mới chịu di dời đến đầu tư vào các khu công nghiệp cao cấp "thần tiên" đó.

3. Tính cân kết giữa các thể lực "đen"

Song song với cơn sốt

xây dựng và đầu cơ địa ốc đó, xảy ra cơn sốt ngân hàng và dịch vụ hỗ trợ. Từ đây, cái "vòi bạch tuộc" mọc ra giữa bộ ba quyền chức, ngân hàng và tín dụng và đầu cơ. Thảm kịch ở chỗ, do mờ mắt trước những dự án vĩ đại, giới quyền chức dễ sa ngã vào cám dỗ của giới đầu cơ. Nếu ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Indonesia... đều cùng một mẫu số chung là có sự cân kết bền bỉ đó (dirty connection) thì tại VN không phải là không có một số dấu hiệu không lành mạnh tương đương. Có thể lấy trường hợp các tập đoàn Minh Phụng, Epcó làm thí dụ điển hình. Các số liệu tính ra được từ số liệu của báo Tuổi trẻ 4.12.97 rất đáng suy nghĩ:

Minh Phụng còn nợ: chỉ riêng tiền đồng VN, không kể tiền lãi phải trả, là 4.515.488.647.231 đồng, quy ra USD theo tỷ giá 12.000đ/USD của thời điểm tháng 7.1997, tương đương trên 376 triệu USD. Cộng với số nợ bằng USD là 26 triệu hơn, tổng số nợ chưa trả của Minh Phụng sẽ là 402 triệu USD.

EPCO còn nợ: chỉ riêng tiền đồng VN, không kể tiền lãi phải trả, là 667.228.794.361 đồng tương đương 52 triệu USD hơn, cộng với số nợ bằng USD (tròn số) là 30 triệu USD hơn, tổng số nợ chưa trả của EPCO sẽ là 82 triệu USD.

Như thế, chỉ trong hai trường hợp Minh Phụng và EPCO, số nợ chưa trả đã tương đương 484 triệu USD. So với ở Thái Lan, Indonesia, Hàn Quốc, Nhật Bản, số 484 triệu USD "nợ mờ ám" (bad loans) này mới chỉ là số lẻ song so với bình diện VN, lại không là chuyện nhỏ. Giả tí như các ngân hàng liên can thay vì "đầu tư" vào cho Minh Phụng mà đầu tư vào quỹ xóa đói giảm nghèo, theo định mức tối thiểu của thời điểm đó để người nghèo có thể xoay sở đổi đời là 1 triệu thì số hộ được hỗ trợ xóa đói giảm nghèo sẽ là 5,4 triệu hộ! Nếu tính mỗi hộ bình quân là bao nhiêu nhân khẩu, sẽ có thể hình

dung được ngay hậu quả về mặt kinh tế xã hội của hai "phi vụ" Minh Phụng và EPCO trên bình diện cả nước.

4. Nảy sinh một tầng lớp "thành đạt" ăn xổi ở thì (nou-veaux riches).

Trong quá trình làm giàu đó, nảy sinh một đội ngũ viên chức thuộc các lĩnh vực đệ tam đẳng (ngân hàng, công ty nhập khẩu, khách sạn, dịch vụ...) với đồng lương ngày càng cao hơn, được tính trên cơ sở các doanh số ngày càng tăng vọt nhờ vào đồng vốn vay nước ngoài song chưa đáo hạn thanh toán, đồng thời kèm theo một lớp thị dân có lối sống "thành đạt" xa rời lối sống của đại bộ phận dân chúng. Những người xuống đường hung hăng nhất ở Bangkok đòi thủ tướng Chavalit từ chức hầu như là những viên chức mới "thành đạt" này. Chính tâm lý "thành đạt" này đã tạo ra một tâm lý xã hội khác: sự phân biệt giữa những kẻ "thắng cuộc" (winners) và kẻ "thua cuộc" (losers) trong cuộc chạy đua tìm một chỗ đứng dưới ánh mặt trời rất phổ biến trong các xã hội công nghiệp, tuồng như hai nhóm người này không cùng chung một bầu trời (it seems to be that those two groups, the winners and the losers, are not under the same sun). Sự phân biệt đối xử này, do các chính phủ và giới chủ nhân chưa làm được điều mà ở các nước công nghiệp đã làm được là cân đối một mặt bằng lương trong các khu vực kinh tế khác nhau. Khoảng cách thu nhập giữa các cán bộ quản lý và cán bộ khoa học kỹ thuật không quá lớn đến mức "mờ mắt" hay làm tối tâm mặt mũi mọi người như ở Đông Nam Á dẫn đến hậu quả là tính bất cân đối trong nguồn nhân lực đào tạo. Tất nhiên, ở châu Âu cũng có một số ngành như văn chương... là "hầm hùi" chứ không có khoảng cách "so bì" giữa các ngành khoa học và ngành quản lý kinh tế tài chính cho lắm. Một hậu quả khác của tâm lý *nouveaux riches* này là việc nhiều bác sĩ, kỹ sư ra

trường không thuận về nông thôn cũng chỉ vì không muốn trở thành kẻ "thua cuộc" (losers), thả bắm víu vào các thành phố lớn để hy vọng trở thành kẻ "thắng cuộc" (winners) cho dù có phải chuyển ngành làm bất cứ nghề gì khác ngành đào tạo.

5. Tính bất cân đối trong nguồn nhân lực đào tạo

Sự bất cân đối trong đầu tư, trong thu nhập dẫn đến sự bất cân đối trong nguồn đào tạo và lựa chọn đào tạo. Giới trẻ thành thị tìm đến những ngành nghề hứa hẹn cho họ sớm "thành đạt" nhất. Khi cái cung về đào tạo viên chức trong lĩnh vực kinh tế tài chính, dịch vụ tăng, thì bộ máy đào tạo ắt phải giảm đi trong các lĩnh vực "phi thành đạt", đặc biệt trong các ngành khoa học cơ bản cũng như khoa học nhân văn, dẫn đến hậu quả là vừa thiếu kỹ sư, vừa thiếu giáo viên, giáo sư, vừa thiếu cán bộ trung cấp và thợ lành nghề mà thặng dư viên chức kinh tế, tài chính, dịch vụ... Ở Thái Lan cũng như ở VN, đang thiếu kỹ sư và giáo sư, giáo viên... Tất nhiên, không chối cãi rằng tại VN, đang và vẫn sẽ có một nhu cầu lớn về cán bộ quản lý kinh tế, do nhu cầu thay thế số cán bộ quản lý kinh tế không đủ tiêu chuẩn đào tạo nhất định phải đặt ra hoặc số cán bộ quản lý đến tuổi về hưu, sẽ còn nhu cầu đào tạo trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, quản trị, dịch vụ... song rõ ràng là đã có một sự mất cân đối nhân lực đào tạo trong các lĩnh vực khác nhau. Đây chính là nguy cơ lớn không kém nguy cơ không trả nổi nợ nước ngoài vì lẽ, một khi thức tỉnh ra cần phải đầu tư vào các lĩnh vực khác lại thiếu nhân lực.

Trên đây là một số vấn đề thách thức lớn đối với các nước Đông Nam Á trong đó có cả VN ở ngưỡng cửa thế kỷ 21 ■